

Số: **103** /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH
Đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/6/2019 của Tổng cục Thủy lợi về việc ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Thực hiện Văn bản số 6707/BNN-TCTL ngày 28/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên đại bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, như sau:

I. THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Thực trạng hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn.

- Hiện nay toàn tỉnh có tổng số 383 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung, trong đó:

+ 114 công trình không hoạt động đề nghị thanh lý. *(có biểu chi tiết 01A kèm theo).*

+ 227 công trình hoạt động, trong đó: có 87 công trình hoạt động bền vững, 55 công trình hoạt động tương đối bền vững; 85 công trình hoạt động kém bền vững. *(có biểu chi tiết 01B kèm theo).*

+ 42 công trình không hoạt động nhưng có khả năng cải tạo, sửa chữa để hoạt động trở lại. *(có biểu chi tiết số 01C kèm theo).*

- Các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn được đầu tư có quy mô, công suất phục vụ cấp nước nhỏ lẻ, manh mún, dân cư khu vực cấp nước phân tán, cơ bản khách hàng sử dụng nước sinh hoạt nông thôn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhiều công trình đã xuống cấp, hư hỏng, một số công trình đã ngừng hoạt động, thu không đủ bù đắp chi phí do đó cần phải có nguồn kinh phí để nâng cấp, sửa chữa để công trình phát huy hiệu quả, cấp nước an toàn.

- Các mô hình quản lý hiện nay trên địa bàn tỉnh gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý 79 công trình), Doanh nghiệp (Công ty cổ phần Cấp thoát nước nước Tuyên Quang quản lý 15 công trình) và Ủy ban nhân dân các xã (quản lý 289 công trình).

- Thực trạng cấp nước hiện nay: Đến hết năm 2020, ước tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%, trong đó tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Y tế ban hành đạt trên 50%.

2. Sự cần thiết ban hành kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025

Để duy trì hoạt động bền vững của các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đảm bảo, cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người. Do tầm quan trọng của nước sạch đối với con người và để đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch an toàn, liên tục cho người dân phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hoá và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành

Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 về việc tăng cường công tác quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cung cấp nước an toàn, liên tục trong đó có phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. Để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 34/CT-TTg, ngày 28/9/2020 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành văn bản số 6707/BNN-TCTL đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo cấp nước an toàn; lập và thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn, trong đó cần phải cải tạo sửa chữa các công trình không hoạt động nhưng có khả năng cải tạo sửa chữa để đảm bảo tỷ lệ cấp nước nông thôn theo quy định. Chính vì vậy, việc ban hành Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn nông thôn là hết sức cần thiết, nhằm xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, giải pháp thực hiện của các cơ quan liên quan để thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng.
- Bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lưu lượng, duy trì đủ áp lực, chất lượng nước góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025: Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ hệ thống cấp nước khu vực nông thôn được lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 50%.
- Đối với các xã theo lộ trình kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ đạt đô thị loại V thì phải đảm bảo chỉ tiêu cấp nước theo quy định.
- Dự kiến đến năm 2025, duy trì hoạt động ổn định 232 công trình hiện có đang hoạt động và các công trình được đầu tư xây dựng giai đoạn 2021-2025; Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 118 công trình hiện có đang hoạt động kém bền vững và không hoạt động nhưng có khả năng cải tạo sửa chữa để đảm bảo cấp nước an toàn (*có biểu chi tiết số 02 kèm theo*).

3. Phạm vi đối tượng áp dụng:

- Phạm vi thực hiện: Triển khai trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch đối với hệ thống cấp nước tập trung nông thôn được quản lý vận hành bởi các mô hình tổ chức khác nhau trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý vận hành, sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn theo Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn do Tổng cục Thủy lợi ban hành tại Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/6/2019 của Tổng cục Thủy lợi.

- Xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế; kiểm tra, giám sát chất lượng nước sinh hoạt khu vực nông thôn theo quy chuẩn quy định.

- Bố trí huy động, lồng ghép các nguồn lực, đầu tư cải tạo, sửa chữa công trình cấp nước bị hư hỏng xuống cấp nhằm cung ứng đầy đủ, liên tục và bảo đảm chất lượng nguồn nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là khu vực khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa.

- Quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước: Bảo vệ chất lượng nguồn nước nguyên liệu; xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép...

- Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước và sử dụng nước sạch tiết kiệm, hiệu quả như: Đa dạng hoá các hình thức tổ chức tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân tích cực sử dụng các nguồn nước sạch; nâng cao nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ sức khỏe đến người sử dụng nước.

- Khuyến khích, ứng dụng tiến bộ khoa học trong đầu tư xây dựng, trong sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn bảo đảm chất lượng, an toàn, giảm tỷ lệ thất thoát nước và kịp thời ứng phó, xử lý sự cố.

- Tổ chức tập huấn cho các cán bộ quản lý, vận hành khai thác công trình nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý công trình.

- Rà soát năng lực của các đơn vị cấp nước trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện để sắp xếp củng cố, kiện toàn đảm bảo năng lực quản lý công trình theo quy định.

- Đối với các công trình không còn khả năng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp: Khẩn trương tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các bên có liên quan trước khi đề nghị thanh lý theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính.

(Có biểu kế hoạch số 03 kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: Kinh phí thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2021-2025 được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với công trình đang dừng hoạt động, hoạt động kém bền vững có khả năng cải tạo, sửa chữa, đơn vị cấp nước hàng năm lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa gửi UBND cấp huyện và Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện.

- Đối với các đơn vị cấp nước có giá nước được tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý, kinh phí lập và thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn được tính vào chi phí sản xuất theo quy định.

- Đối với các đơn vị cấp nước có giá nước chưa được tính đúng tính đủ các chi phí hợp lý, kinh phí lập và thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn được lấy từ nguồn ngân sách của tỉnh hỗ trợ cấp bù giá nước để thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Lồng ghép Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước tham gia thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn sử dụng kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị hàng năm.

2. Ước kinh phí thực hiện: 271.222 triệu đồng/5 năm.

Trong đó:

- Tuyên truyền, hội nghị triển khai sở tay: 1.400 triệu đồng;
- Tập huấn công tác quản lý, vận hành: 3.000 triệu đồng/5 năm;
- Phóng sự, tin, bài tuyên truyền: 2.000 triệu đồng/5 năm;
- Kiểm tra chất lượng nước: 2.250 triệu đồng/5 năm;
- Cấp bù giá nước sạch nông thôn: 116.000 triệu đồng/5 năm;
- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình: 146.572 triệu đồng/5 năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thẩm định, phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn cho các hệ thống cấp nước tập trung khu vực nông thôn.

- Tổng hợp kế hoạch cải tạo, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị cấp nước và các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch. Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho các cán bộ quản lý trực tiếp công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung nhằm nâng cao năng lực quản lý, khai thác và sử dụng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn bàn hành theo Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/6/2019 của Tổng cục Thủy lợi.

2. Sở Xây dựng

Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Tuyên Quang và chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung tại Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025 và các quy định liên quan.

3. Sở Y tế

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định tại thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị liên quan thường xuyên thanh tra, kiểm tra chất lượng nước sau xử lý tại các đơn vị cấp nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước, kiểm tra hướng dẫn việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước. Xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước và xả thải không đúng theo quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân tích cực sử dụng các nguồn nước sạch; nâng cao nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch.

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách liên quan để huy động nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án phục vụ hệ thống sản xuất, cung cấp nước sạch sinh hoạt của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí vốn đầu tư và lồng ghép Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch nông thôn giai đoạn 2021-2025 vào các chương trình, dự án thuộc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của tỉnh.

7. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thanh lý, huỷ bỏ đối với các công trình không còn khả năng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo quy định.

- Hằng năm hướng dẫn, thẩm định, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án cấp bù giá nước cho các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn ngân sách hàng năm để thực hiện đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này.

- Hằng năm tổng hợp kế hoạch cải tạo, sửa chữa các công trình thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Hằng năm tổng hợp phương án giá nước, cấp bù giá nước (nếu có) các công trình thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, trình Sở Tài chính thẩm định.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát, xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các bên có liên quan trong công tác quản lý để các công trình bị hư hỏng, không còn khả năng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp; đối với công trình hoặc hạng mục công trình có nguy cơ sạt lở: Trong thời gian chờ ý kiến để xử lý tài sản, phải có biện pháp gia cố, bảo vệ hoặc rào chắn để đảm bảo an toàn tài sản và con người.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã được giao quản lý, khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn xây dựng phương giá nước trình thẩm định, phê duyệt theo quy định; xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn của từng hệ thống, công trình cấp nước sạch nông thôn. Tổng hợp, kiểm tra kế hoạch cấp nước an toàn của từng công trình cấp nước khu vực nông thôn trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định và phê duyệt.

- Rà soát năng lực của các đơn vị cấp nước để sắp xếp củng cố, kiện toàn đảm bảo năng lực quản lý công trình theo quy định.

- Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn huyện, thành phố gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

9. Các đơn vị cấp nước sạch nông thôn

- Lập kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn của từng hệ thống, công trình cấp nước sạch nông thôn do đơn vị mình quản lý trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hằng năm lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa các công trình được giao quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp (đối với các công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý), trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp (đối với các công trình do doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập quản lý).

- Hằng năm xây dựng phương án giá nước và cấp bù giá nước (nếu có) các công trình được giao quản lý trình Sở Tài chính thẩm định.

- Thành lập nhóm cấp nước an toàn, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn theo kế hoạch đã được phê duyệt (sau 2 năm đầu thực hiện kế hoạch hoặc trong quá trình thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn nếu có những biến đổi lớn về nguồn nước, về hệ thống cấp nước hoặc hộ sử dụng nước phải xem xét điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cấp nước an toàn cho phù hợp với thực tế).

Trên đây là Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị cấp nước và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Định kỳ **trước 30/9 hàng năm** báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Y tế; Xây dựng; Thông tin và Truyền thông;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị cấp nước: Trung tâm NS&VSMTNT; Công ty CPCTN Tuyên Quang; UBND các xã;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, CBĐT;
- Lưu: VT, ĐTXD, TL. (D)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang